HOÀN CẢNH VÀ ĐIỀU KIỆN HÌNH THÀNH LỚP THANH NIÊN CÁCH MẠNG TÀI NĂNG NHỮNG NĂM 20

NGUYỄN VĂN KHÁNH

ối với Việt Nam những năm 20 của thế kỷ là một giai đoạn lịch sử đặc biệt, đã sản sinh ra hàng ác tài năng trẻ. Nhiều người tuy tuổi mới trên dưới đôi mươi nhưng đã trở thành những nhà động chính trị và xã hội nổi tiếng. Một số người là lãnh tụ các tổ chức hay đảng phái chính trị khi hưa quá 25 như Nguyễn An Ninh, Trần Huy Liệu . . . Có thể nói, lớp trẻ tài năng những năm 20 hệ của những người tìm đường và mở đường đưa dân tộc đi tới độc lập, tự do. Thế hệ ấy đem êm vinh quang cho dân tộc và nhân dân. Nhưng thế hệ những tài năng ấy chỉ là sản phẩm của giai đoạn lịch sử và bị chi phối bởi những điều kiện kinh tế, xã hội và tư tưởng nhất định.

Như chúng ta đã biết, sau chiến tranh thế giới I để bù lại những tổn thất về kinh tế, thực dân bắt đầu đẩy mạnh công cuộc khai thác và bóc lột đất nước ta trên quy mô lớn. Chúng tăng g đầu tư vốn để khai thác các nguồn nguyên liệu và kinh doanh kiếm lời. Do đó, số vốn đầu tư Việt Nam tăng lên nhanh chóng. Nếu những năm 1918 - 1920, tư bản Pháp đầu tư khoảng 500 $ vàng thì đến 1930 số vốn đã tăng lên gần 3,8 tỷ (tức tăng hơn 6 lần). Lĩnh vực đầu tư cơ bản háp là nông nghiệp (chủ yếu vào đồn điền) và công nghiệp (trước hết là ngành mỏ).

iệc tăng cường đầu tư từ chính quốc đã đẩy nhanh quá trình tích tụ và tập trung tư bản ở thuộc hẳng hạn, lúc đầu Ngân hàng Đông Dương ra đời chỉ với tư cách là một cơ quan phát hành và kê tài chính nay đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư. Đến năm 1920, Ngân hàng đã kiểm soát gần 1/3 ı cổ đông trong nước. Mức độ tập trung tư bản trên chưa hề thấy trong một nước nào vào thời ày ở Đông Nam Á [1].

ào những năn 20, thực dân Pháp có xu hướng mở rộng thị trường trong nước, bằng cách tăng ; quan hệ buôn bán giữa các vùng, và chú ý phát triển các ngành công nghiệp chế biến. Số vốn r vào công nghiệp chế biến đạt hơn 60 triệu $ vàng [2].

ưới tác động của chính sách đầu tư khai thác thuộc địa của Pháp, các trung tâm công nghiệp ác hải cảng, thành thị mới đua nhau ra đời. Nhiều đô thị cũ được mở rộng thêm, thu hút đông r dân ở các vùng nông thôn ra kiếm sống, hay làm ăn buôn bán. Nói chung, các quan hệ và lực sản xuất mới mặc dù bị thực dân Pháp bóp nghẹt, kìm hãm, vẫn tìm cách mở rộng phạm vi hoạt Kinh tế TBCN phát triển kéo theo sự xuất hiện nhiều trung tâm thương mại lớn, dẫn tới sự

hình thành của thị trường dân tộc thống nhất. Trên cơ sở nội thương phát triển, mối quan hệ b
bán với nước ngoài cũng được mở rộng, tạo điều kiện tăng cường sự tiếp xúc của nước ta với
giới bên ngoài, trước hết là các nước Đông Nam Á, rồi đến phương Tây.

Đó là tiền đề và điều kiện vật chất cho sự nảy sinh những lực lượng xã hội mới, làm bệ đỡ cho
tư tưởng mới, cho các tài năng phát sinh và phát triển.

Sự xuất hiện của các tài năng trẻ không chỉ bắt nguồn từ nguyên nhân kinh tế, mà trong ch
mực nhất định, còn do chính sách ứng xử của chính quyền thống trị với các tầng lớp cư dân tron
hội.

Trong những năm 20, thực dân Pháp đã tiến hành một số cải cách nhằm đối phó lại với nh
biến động đang diễn ra trong xã hội Việt Nam. Mục tiêu của các cuộc cải cách này là mở rộng cơ
xã hội của thực dân Pháp, nhưng không đụng chạm tới nền tảng thống trị ở thuộc địa. Xuất phá
đó, Pháp kiên trì đường lối nhượng bộ đối với các giai cấp có của, đồng thời tăng cường đàn
chống lại quần chúng lao động.

Một trong những biểu hiện của chính sách này là tăng cường số lượng công chức người Việt N
trong bộ máy hành chính thuộc địa. Để thực hiện mục tiêu đó, toàn quyền Đông Dương Môrixơ L
đã ban hành sắc lệnh ngày 20-6-1921 về việc tăng cường lựa chọn vào bộ máy hành chính những q
lại người Việt Nam. Đây là điều kiện cần thiết để tạo ra đội ngũ cán bộ địa phương người Đ
Dương [3]. Có thể nói, lần đầu tiên trong lịch sử xâm lược và thống trị nước ta, thực dân Pháp
ban hành một qui chế chính thức nhằm tuyển chọn quan lại người Việt Nam vào cơ quan hành ch
thuộc địa. Tuy nhiên, cuộc cải cách của toàn quyền M. Long đã không đạt được mục đích, v
không làm thay đổi căn bản tình hình: số lượng công chức Việt Nam vẫn không đáng kể. Sau m
năm thực hiện sắc lệnh, số công chức Việt Nam trong bộ máy hành chính Pháp chỉ có 286 người,
số lượng cán bộ hành chính Pháp năm 1922 vào khoảng 400 người.

Nói chung vấn đề xây dựng cán bộ người Việt Nam trong những năm 20 là một vấn đề hết
gay cấn. Một số nhà hoạt động trên lĩnh vực hành chính của Pháp đã coi vấn đề này như chìa khó
giải quyết tất cả các vấn đề khác của chính sách thuộc địa ở Việt Nam.

Để tiếp tục giải quyết vấn đề cán bộ người Việt Nam bản nghị định ban hành ngày 27 tháng 2
1926 đã chỉ rõ từ nay tất cả các chức vụ trong cơ quan hành chính Pháp, trừ một số chức vụ ca
được xếp ngang nhau cho người Việt Nam và người Pháp [4]. Tuy nhiên những qui định đó vẫn c
trên giấy tờ còn trong thực tế, toàn quyền Varen đã phê chuẩn một khoản gọi là phụ cấp thuộ
cho các quan lại người Pháp, tương đương bằng 0,7% lương hàng tháng [5].

Vì thế, cuộc cải cách trên đã không thỏa mãn được các công chức Việt Nam, khiến họ phải
khai nói rằng: "Các quan lại Việt Nam do nguồn gốc của mình đã không có quyền nhận khoản phụ
thuộc địa và, như vậy, chính sách trên chỉ có mục đích hạ thấp chủng tộc châu Á" [6].

Rõ ràng cuộc cải cách năm 1926 đã không giải quyết và không thể giải quyết được vấn đề t
gia của giới "thượng lưu" vào việc quản lý nước Việt Nam [7]. Nhưng nếu như đối với các đồng m
giới quan lại và các giai cấp có của - chính quyền thuộc địa đã có những nhượng bộ thì đối với

ọ công nhân và nông dân chúng luôn luôn tiến hành chính sách khủng bố và đàn áp. Chính A. ren đã thừa nhận: "Toàn bộ chính sách mà chúng ta tiến hành . . . có một mục đích: "Cô lập thắng nh những kẻ không có khả năng hợp tác, và nhân nhượng với những người khác." [8].

Tóm lại, chính sách của thực dân Pháp trong những năm 20 là nhằm ve vãn, tranh thủ và lôi kéo ột bộ phận rất nhỏ trong giới "thượng lưu" Việt Nam, bao gồm một số nhà tư bản và địa chủ lớn. ồn này vì quyền lợi cá nhân đã đứng về phía bọn xâm lược, câu kết với chính quyền thực dân Pháp bức bóc lột nhân dân ta. Còn đại đa số các tầng lớp nhân dân thì bị đẩy về bên kia trận tuyến, đối với toàn bộ chế độ thực dân. Lòng căm thù bọn xâm lược và ý thức dân tộc là một trong những uyên nhân chủ yếu dẫn tới hành động phản kháng của các lực lượng yêu nước Việt Nam chống lại n thực dân phong kiến. Đó cũng là một nguyên nhân làm xuất hiện những tài năng, và là lý do quan ọng để các nhà chính trị tài năng tập hợp, qui tụ các lực lượng yêu nước vào cuộc đấu tranh giải óng tổ quốc. Nhưng có một vấn đề đặt ra là các tài năng trẻ của những năm 20 thường xuất hiện từ ôi trường xã hội nào? và vì sao lại như vậy.

Qua khảo sát, chúng tôi thấy đại đa số các tài năng trẻ ở thời kỳ này đều xuất thân từ môi trường u tư sản trí thức. Họ vốn là các công chức, hoặc là những học sinh, sinh viên trong các nhà trường ực dân, do yêu nước và căm thù bọn xâm lược, đã từ bỏ con đường học hành để đi tìm đường cứu ước. Bằng tài năng và trí tuệ của mình, họ nhanh chóng trở thành các lãnh tụ, những người tổ chức lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng của nhân dân ta.

Là sản phẩm của xã hội thuộc địa nửa phong kiến, tiểu tư sản trí thức ra đời cùng với qúa trình ý mang nền văn hóa, giáo dục của Pháp ở Việt Nam. Nhưng cũng như trong lĩnh vực kinh tế, chính ch chung của thực dân Pháp trong văn hóa giáo dục là ngu dân hóa nhân dân ta để dễ bề cai trị. ực dân Pháp mở một số trường học, (chủ yếu là các trường Pháp - Việt) nhằm đào tạo một số tay , làm chỗ dựa cho chính quyền thực dân. Nói về chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở nước ta, ính một người Pháp cũng phải thốt lên: "Về phương diện tinh thần, người Pháp không tổ chức một n giáo dục mới thay thế cho nền giáo dục An Nam mà họ đã bỏ đi. Họ chỉ xây dựng được một ít rường học để đào tạo ra những con vẹt. những người vong bản thiếu đạo đức và thiếu cả kiến thức ổ thông". (Đại tá Bernard) [9]. Một sĩ quan Pháp, tướng Pennequin đã viết: "Trong 50 năm chiếm ng ở Nam kỳ và 25 năm chiếm đóng ở Bắc kỳ, những trường học Pháp không đào tạo được lấy một ười An Nam thực sự có học thức" [10]. Ông Măcxơ, một nhà văn thuộc địa cũng nói: "chúng ta chỉ n dạy tiếng Pháp cho người An Nam, dạy cho họ biết đọc, biết tính toán chút ít thôi; biết hơn nữa l là thừa vô ích" [11]. Nhưng ngay cả nền giáo dục sơ đẳng ấy cũng chỉ được phổ cập hết sức hạn ẽ. Trong một bài báo tố cáo chính sách ngu dân của thực dân Pháp ở Đông Dương, đồng chí guyễn Ái Quốc đã cho biết: "ở Trung kỳ chỉ có 118 trường học cho 6.000.000 dân" [12]. Tuy nhiên do u cầu mở mang công cuộc khai thác thuộc địa, thực dân Pháp vẫn phát triển các trường học, xây ng nhiều cơ sở văn hóa và các cơ quan nghiên cứu khoa học. Nhờ đó số lượng tiểu tư sản trí thức c sinh, sinh viên sau chiến tranh tăng lên nhanh chóng. Riêng số lượng học sinh năm 1929 có 0.000 người, sinh viên - 551 người, học sinh chuyên nghiệp có hơn 700 người. Tuy nhiên số trẻ em ất học vẫn chiếm tỷ lệ lớn. Theo tính toán của G. Garô, năm 1926 trong cả nước chỉ có 6% trẻ em ở tuổi đi học được cấp sách đến trường, còn trên 2 triệu 800 nghìn em trong số 3 triệu bị thất c[13].

Bên cạnh bộ phận học sinh, sinh viên đội ngũ quan lại địa phương có chức vụ cao, đã nhận bằ Việt Nam hoặc Pháp, rất nhỏ bé, chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay. Đó là các bác sĩ, giáo sư t học, các nhân viên kỹ thuật trung cấp v. v. . . Số lượng người làm công tác khoa học, văn hóa, bác ở thời kỳ này vào khoảng 2 - 3 nghìn người [14].

Sau khi tốt nghiệp các trường trung học và cao đẳng, phạm vi hoạt động của người Việt N cũng rất hạn chế. Trong mỗi cơ quan chỉ có không quá 5 người Việt Nam. Tại các cơ quan của P những người Việt Nam đều phải chịu cảnh phân biệt đối xử và bất bình đẳng. Một người gác c trường đại học Pháp được nhận tiền công gấp 3,5 lần một kỹ sư người Việt Nam [15]. Trên báo *N đạo* (L'humanité) cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Pháp, số ra ngày 1-6-1922, đồng Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo: "Trong các công sở, những người bản xứ mặc dù đã làm việc lâu nă mặc dù rất thành thạo công việc vẫn chỉ lãnh một khoản tiền công chết đói, trong khi một ngườ trắng mới vào làm, làm công việc ít hơn, thì lại được lãnh lương bổng nhiều hơn" [16].

Đời sống vật chất của những người tiểu tư sản trí thức nói chung rất thấp kém và phụ thuộc giá cả thị trường. Chẳng hạn, so với trước chiến tranh, giá sinh hoạt ở Hà Nội vào năm 1925 tăng 68 lần [17].

Khác với các nước tư bản, ở Việt Nam, tiểu tư sản trí thức cũng như các tầng lớp nhân dân động khác phải chịu ba tầng áp bức bóc lột của bọn thực dân, phong kiến, và tư sản bản xứ. Đ tiểu tư sản trí thức có nguy cơ gia nhập hàng ngũ vô sản. Đời sống của họ cũng không khác người công nhân. Đó là chưa kể nạn thất nghiệp luôn đe dọa, và thái độ khinh miệt về nòi gi chủng tộc của bọn thực dân.

Do vị trí kinh tế và xã hội thấp kém, và nhất là do sớm hấp thụ được các tư tưởng tiền tiến có trình độ văn hóa và vốn trí thức, tiểu tư sản trí thức sớm giác ngộ về ý thức dân tộc. Từ giác ấy, nhiều người nhận thấy cần phải (và mong muốn) dùng tài năng và sức lực của mình để làm vi đấy có ích cho nước cho dân. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao phong trào yêu nước tiểu tư sản trí thức đã dâng lên sôi nổi trong những năm 20, và từ phong trào đó đã xuất hiện n thanh niên tiêu biểu cho tài năng và truyền thống yêu nước quật cường của dân tộc.

Sự xuất hiện các tài năng trẻ, ngoài những nguyên nhân kinh tế - xã hội, còn gắn liền với nh điều kiện tư tưởng nhất định. Đầu thế kỷ XX, nhất là vào những năm 20 đất nước ta sau bao th đắm chìm trong đêm dài phong kiến, đã bắt đầu bừng dậy, nhờ được tắm mình giữa bao luồn tư tưởng và văn hóa Á, Âu. Cùng với hệ tư tưởng Mác xít bắt đầu được Nguyễn Ái Quốc và nh người cách mạng tiên tiến truyền bá vào, ở nước ta đang lưu hành các quan điểm duy tâm, tư tu bất bạo động của Găng-đi, thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn, và các tư tưởng văn hóa phương Thực dân Pháp sử dụng văn hóa để nô dịch nhân dân ta. Chúng cho người Việt Nam mở quán báo, xuất bản sách giáo khoa, cho Phạm Quỳnh lập *Nam Phong tạp chí* thay *Đông Dương tạp chí* Nguyễn Văn Vĩnh, cho lập hội *Khai trí tiến đức* để tập hợp các phần tử trí thức thuộc tầng lớp của xã hội. Trên các báo chí, thực dân Pháp cho phép và khuyến khích việc đăng tải, giới thiệu nh thành tựu văn hóa thế giới, đặc biệt là tìm cách ca ngợi văn hóa Pháp và các nước Tây Âu.

Các hoạt động nhằm phổ biến và truyền bá tư tưởng, văn hóa của thực dân Pháp trên đây, n tác động tiêu cực là ru ngủ đầu độc nhân dân ta, còn tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân, đặc

anh niên học sinh tiếp xúc và hiểu được những thành tựu văn hóa và khoa học mới nhất của nhân qua đó mở mang trình độ hiểu biết, phát triển khả năng tư duy.

Nói tóm lại, những năm 20 là giai đoạn chuyển tiếp và hiện đại hóa của đời sống tư tưởng và văn dân tộc. Tính hiện đại của tư tưởng và văn hóa nhờ sự vận động đổi mới liên tục ở thời kỳ này đã ra những tiền đề cần thiết cho khả năng sáng tạo và tiếp thu những tri thức mới, những trào lưu ưởng tiên tiến, dẫn tới sự xuất hiện hàng loạt các tài năng trong lớp người trẻ tuổi và hăng hái của xã hội lúc đó: tầng lớp thanh niên, học sinh mà dân tộc mãi mãi nhớ ơn.

Thế kỷ XX đối với Việt Nam là một thế kỷ đầy biến động và tự hào. Bằng thắng lợi của Cách g tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dân tộc ta đã bước qũy đạo của thế giới hiện đại, trở thành một trong những dân tộc tiên phong đấu tranh vì những tiêu cao cả của loài người tiến bộ.

Khơi nguồn cho niềm vinh quang ấy của dân tộc là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và thế rẻ tài năng những năm 20 của thế kỷ. Lớp người này xuất hiện với tư cách của những con người thời đại báo hiệu một mùa xuân tươi sáng của dân tộc ta.

Song lớp tài năng ấy chỉ là sản phẩm tự phát của một giai đoạn lịch sử. Họ xuất hiện từ sự áp chế chính quyền thống trị, và trước yêu cầu khách quan của công cuộc giải phóng Tổ quốc.

Ngày nay, đất nước ta đã độc lập thống nhất, chính quyền nằm trong tay giai cấp công nhân và iên phong của nó, những người có khả năng sớm được phát hiện, bồi dưỡng để mau chóng phát thành những tài năng lớn phục vụ nhân dân.

Tài năng và tuổi trẻ là tài sản qúy giá của mỗi dân tộc. Một đất nước văn minh không thể không qúy trọng tài năng và tuổi trẻ. Chủ động phát hiện và bồi dưỡng tài năng, hướng các tài năng vào đích nhân bản đang trở thành một nhu cầu bức xúc của mỗi nhà nước, quốc gia trên con đường ựng đất nước mạnh giàu. Đó cũng là thước đo trình độ văn minh của mỗi dân tộc trong thời đại nay.

Hà Nội - tháng 11 - 1990

CHÚ THÍCH

1. Lịch sử Việt Nam hiện đại (1917-1965), M: Khoa học 1970 (tiếng Nga) tr. 27.

2. Callis H. G. Foreign capital in South Asia NY 1942 p. 78.

3. Lê Thành Khôi. Le Viet Nam: histoire et Civilisation, P. 1955,p. 403.

4. Debats parlementaires. Séance du 20. VI. 1930, -P.174.

5. Le cahier des voeux annammite-L'indochine. Revue économique d'Extrême Orient. N. 132 1932, p. 8-9.

6. Le cahier . . . dã dẫn p. 11.

7. Nôvacôva O. V. Chính sách thực dân của Pháp và phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nan (1917-1929). Luận án PTS -M; 1967 tr. 130 (tiếng Nga).

8. Nôvacova O. V. Tài liệu dã dẫn. tr. 132.

9., 10., 11., 12. Nguyễn Ái Quốc. Dây công lý của thực dân Pháp ở Đông Dương. -H; ST, 196 tr. 74.

13. Garros G. Forceries humaines -P, 1923,p. 185.

14. Nguyễn Văn Khánh. Trí thức yêu nước và phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến khi thành lập Đảng cộng sản Đông Dương. Luận án PTS -M, 1989, (tiếng Nga tr. 147.

15. Temoignages et documents relatif à la colonisation francaise au Vietnam -H, 1955, p. 6.

16. Hồ Chí Minh toàn tập H. ST 1980 T1, tr. 41.

17. Tauzet A. Le regime monétaire indochinois dẫn theo Lịch sử Việt Nam hiện đại (tiếng Nga dã dẫn tr. 35.